

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

đã được kiểm toán

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	5 – 41
Bảng cân đối kế toán	5 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 – 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 – 41

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam trước đây là Công ty Cổ phần Alphanam Công nghiệp, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0503000009 ngày 30 tháng 11 năm 2001. Công ty Cổ phần Alphanam Công nghiệp đổi tên thành Công ty Cổ phần Alphanam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 03 ngày 24 tháng 11 năm 2006 và đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0900191660 thay đổi lần thứ 12 ngày 10 tháng 8 năm 2012. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại bao gồm:

- Sản xuất kinh doanh các loại sơn;
- Buôn bán các tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Đại lý mua bán các loại hàng hóa;
- Cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại khu công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Tuấn Hải	Chủ tịch
Ông Tạ Quốc Khánh	Ủy viên
Ông Bùi Hoàng Tuấn	Ủy viên
Ông Nguyễn Tuấn Phương	Ủy viên
Bà Bùi Kim Yến	Ủy viên
Ông Nguyễn Minh Nhật	Ủy viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Hoàng Tuấn	Tổng Giám đốc
Bà Đỗ Thị Minh Anh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Vân Anh	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng;
- Lập Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Hưng Yên, ngày 29 tháng 3 năm 2018

TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Bùi Hoàng Tuấn

Số: *M6*/2018/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam, được lập ngày 29 tháng 3 năm 2018, từ trang 05 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2018

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**



Bùi Thị Ngọc Lân

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0300-2018-152-1

Kiểm toán viên



Trần Thị Linh

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2949-2014-152-1

Headquarters

29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City
Tel: (84-028) 3910 4881 * Fax: (84-028) 3910 4880
Email: infohcm@aascn.com.vn Web: www.aascn.com.vn

Branch in Hanoi

Glosbe 07 TT2/96B Nguyen Huy Tuong, Thanh Xuan, Ha Noi
4 Tel: (84-24) 3994 7969 * Fax: (84-24) 3793 1429
Email: admin@namviethn.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		692.866.621.585	68.121.640.806
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.091.628.873	1.637.493.017
1.	Tiền	111	V.01	1.091.628.873	1.637.493.017
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	1.320.000.000	1.320.000.000
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		1.320.000.000	1.320.000.000
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		629.448.192.541	18.788.361.487
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	582.807.587.210	15.810.816.403
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	5.222.563.316	7.677.419.288
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.05	393.750.000	843.750.000
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.06	49.240.062.965	3.285.365.895
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.03	(8.215.770.950)	(8.828.990.099)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.07	60.984.141.559	46.269.176.962
1.	Hàng tồn kho	141		60.984.141.559	53.900.703.535
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	(7.631.526.573)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		22.658.612	106.609.340
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.09	20.960.150	106.609.340
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.698.462	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.929.059.142.059	2.344.186.935.998
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	2.478.752.827
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.03	-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.04	-	2.478.752.827
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.06	-	-
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		-	7.850.082
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	-	7.850.082
	- Nguyên giá	222		8.947.550.000	8.947.550.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(8.947.550.000)	(8.939.699.918)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	228		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	1.928.063.152.898	2.341.060.800.559
1.	Đầu tư vào công ty con	251		1.060.213.536.928	2.228.136.438.431
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		953.807.100.911	212.868.951.380
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		300.244.536	300.244.536
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(86.257.729.477)	(100.244.833.788)
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		995.989.161	639.532.530
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	995.989.161	639.532.530
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.621.925.763.644	2.412.308.576.804

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		526.844.706.758	325.539.176.918
I.	Nợ ngắn hạn	310		463.798.118.430	193.931.538.658
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	118.780.414.758	64.188.816.220
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	200.987.472.321	70.533.484.134
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	49.658.766.449	167.688.169
4.	Phải trả người lao động	314		1.302.580.984	1.428.503.274
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	75.114.919	69.370.669
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16	327.600.000	327.600.000
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	45.187.044.194	8.230.216.732
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10	46.763.606.345	48.270.341.000
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		715.518.460	715.518.460
II.	Nợ dài hạn	330		63.046.588.328	131.607.638.260
1.	Phải trả người bán dài hạn	331	V.11	41.760.612.304	48.580.612.304
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.12	-	59.905.000.000
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.15	430.120.503	508.169.003
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.17	20.855.855.521	22.613.856.953
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.095.081.056.886	2.086.769.399.886
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.18	2.095.081.056.886	2.086.769.399.886
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.924.844.130.000	1.924.844.130.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.924.844.130.000	1.924.844.130.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		74.155.820.000	74.155.820.000
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	418		3.721.683.671	3.721.683.671
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		92.359.423.215	84.047.766.215
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		84.047.766.215	81.194.806.296
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		8.311.657.000	2.852.959.919
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.621.925.763.644	2.412.308.576.804

Hưng Yên, ngày 29 tháng 3 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Vân Anh



Nguyễn Thị Vân Anh



Bùi Hoàng Tuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	963.555.216.731	223.618.993.661
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	53.255.277	772.608.024
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		963.501.961.454	222.846.385.637
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	434.651.831.069	210.542.636.773
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		528.850.130.385	12.303.748.864
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	6.833.761.022	11.264.286.547
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	513.686.058.073	14.994.179.698
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		4.597.126.876	4.697.887.055
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.08	6.343.166.473	2.538.486.867
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	8.277.718.450	5.134.286.434
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.376.948.411	901.082.412
11.	Thu nhập khác	31	VI.06	218.976.660	359.248.624
12.	Chi phí khác	32	VI.07	1.042.269.503	165.372.549
13.	Lợi nhuận khác	40		(823.292.843)	193.876.075
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.553.655.568	1.094.958.487
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.09	(1.758.001.432)	(1.758.001.432)
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		8.311.657.000	2.852.959.919

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hưng Yên, ngày 29 tháng 3 năm 2018

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Vân Anh



Nguyễn Thị Vân Anh



Bùi Hoàng Tuấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		6.553.655.568	1.094.958.487
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
-	Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		7.850.082	642.764.538
-	Các khoản dự phòng	03		(22.231.850.033)	(25.746.491.597)
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		516.242.274.486	23.027.214.032
-	Chi phí lãi vay	06		4.597.126.876	4.697.887.055
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		505.169.056.979	3.716.332.515
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(608.029.557.540)	86.647.278.342
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(7.083.438.024)	(5.434.964.779)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		204.569.776.678	(24.567.782.346)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(270.807.441)	39.545.991
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(4.586.637.627)	(4.708.181.197)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		89.768.393.025	55.692.228.526
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		-	-
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	500.000.000
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		450.000.000	9.800.000.000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(549.679.406.788)	(164.438.829.384)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		453.588.123.252	81.084.285.316
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.833.761.022	18.704.656.747
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(88.807.522.514)	(54.349.887.321)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		72.252.976.895	77.262.136.100
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(73.759.711.550)	(77.267.532.631)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.506.734.655)	(5.396.531)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(545.864.144)	1.336.944.674
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		1.637.493.017	300.548.343
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		1.091.628.873	1.637.493.017

Người lập biểu



Nguyễn Thị Vân Anh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Vân Anh

Hưng Yên, ngày 29 tháng 3 năm 2018

Tổng Giám đốc



Bùi Hoàng Tuấn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**01. Hình thức sở hữu vốn**

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm:

- Sản xuất và kinh doanh các loại sơn;
- Buôn bán các tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Đại lý mua bán các loại hàng hóa;
- Cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa.

04. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách các công ty con đầu tư trực tiếp bao gồm:

Tên công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp của Công ty mẹ tại ngày cuối năm (%)	Quyền biểu quyết trực tiếp của Công ty mẹ	
			Cuối năm (%)	Đầu năm (%)
Công ty Cổ phần Alphanam E&C	Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	60,0	60,00	60,00
Công ty Cổ phần Liên doanh ALPEC (Tên cũ là Công ty Liên doanh Fuji - Alpha)	Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	89,70	89,70	88,49
Tổng Công ty CP Đầu tư và XNK Foodinco	Số 58 Bạch Đằng, phường Hải Châu I, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	82,80	82,80	77,92
Công ty Cổ phần Đô Thị Hanel - Alphanam	Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	100	80,00	80,00
Công ty Cổ phần Bất động sản Hoa Anh Đào	Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	55,00	55,00	55,00
Công ty Cổ phần Alpha Nam Sài Gòn	Khu công nghiệp phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	99,97	99,97	99,97

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tên công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp của Công ty mẹ tại ngày cuối năm (%)	Quyền biểu quyết trực tiếp của Công ty mẹ	
			Cuối năm (%)	Đầu năm (%)
Công ty Cổ phần Địa ốc Foodinco	Số 58 Bạch Đằng, phường Hải Châu I, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	79,34	79,34	69,28
Công ty Cổ phần Đầu tư Công viên văn hoá Mường Hoa	Số 79 đường Violet, Thị trấn Sa Pa, Huyện Sa Pa, Lào Cai	100	70,00	-
Công ty CP Địa ốc Alphanam (*)	Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	-	-	99,34

- Danh sách các công ty liên kết:

Tên công ty liên kết	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty tại ngày cuối năm (%)	Quyền biểu quyết của Công ty	
			Cuối năm (%)	Đầu năm (%)
Công ty TNHH Sơn Kansai - Alphanam	Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	35,00	35,00	35,00
Công ty Cổ phần Sao Đỏ Đà Nẵng	Số 10 Hải Phòng, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	30,00	30,00	30,00
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Hà Tây	Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	25,36	25,36	-
Công ty Cổ phần WWB Alphanam	Số nhà 35 đường Nguyễn Văn Cừ, khu phố Phú Tân, Phường Tân Phú, Thị xã Đồng Xoài, Bình Phước	100	40	-
Công ty CP Địa ốc Alphanam (*)	Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	46,34	46,34	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Tự động hóa và truyền thông Vinacon	Số 421 đường Phan Bá Vành, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	31,14	31,14	-

(*) Trong năm, Công ty đã chuyển nhượng một phần vốn tại Công ty Cổ phần Địa Ốc Alphanam, tại ngày 31/8/2017, Công ty Cổ phần Địa Ốc Alphanam là Công ty liên kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền)

Công ty là Công ty mẹ của các Công ty con. Người sử dụng cần đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

03. Các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: Được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: Được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

khí chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng/giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết được xác định theo giá gốc. Giá gốc bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết liên doanh được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

04. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

05. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

06. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Máy móc, thiết bị	05 – 07 năm
- Phương tiện vận tải, thuyền dẫn	06 – 07 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 05 năm
- TSCĐ hữu hình khác	05 – 06 năm

07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

08. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

09. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

13. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là chiết khấu thương mại.

14. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- Chi phí tài chính khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

01. Tiền

Đơn vị tính: VND

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	55.619.121	48.648.137
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.036.009.752	1.588.844.880
- Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	<u>1.091.628.873</u>	<u>1.637.493.017</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

02. Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm			Số đầu năm			Đơn vị tính: VND
	Số lượng	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc	Dự phòng	
- Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long	1.100.000	1.320.000.000	-	1.320.000.000	1.320.000.000	-	1.320.000.000
Cộng		1.320.000.000	-	1.320.000.000	1.320.000.000	-	1.320.000.000

(*) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định theo giá trị ghi sổ do không có cơ sở để xác định giá trị hợp lý.

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm			Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)	
- Đầu tư vào công ty con	1.060.213.536.928	(73.822.350.076)	986.391.186.852	2.228.136.438.431	(83.556.094.052)	2.144.580.344.379	
+ Công ty Cổ phần Alphanam E&C	64.228.816.420	-	64.228.816.420	64.228.816.420	-	64.228.816.420	
+ Công ty Cổ phần Liên doanh ALPEC (Trước là Công ty Liên doanh Fujii – Alpha)	124.680.000.000	-	124.680.000.000	123.000.000.000	-	123.000.000.000	
+ Tổng Công ty CP Đầu tư và XNK Foodinco ^(a)	220.913.262.508	(73.822.350.076)	147.090.912.432	211.394.032.508	(74.029.402.875)	137.364.629.633	
+ Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam ^(b)	-	-	-	1.582.377.131.503	(9.526.691.177)	1.572.850.440.326	
+ Công ty Cổ phần Đô Thị Hanel - Alphanam	443.000.000	-	443.000.000	443.000.000	-	443.000.000	
+ Công ty Cổ phần Bất động sản Hoa Anh Đào ^(b)	211.938.458.000	-	211.938.458.000	207.703.458.000	-	207.703.458.000	
+ Công ty Cổ phần Alpha Nam Sài Gòn	38.990.000.000	-	38.990.000.000	38.990.000.000	-	38.990.000.000	
+ Công ty Cổ phần Địa ốc Foodinco ^(c)	396.720.000.000	-	396.720.000.000	-	-	-	
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Công viên văn hoá Mường Hoa ^(d)	2.300.000.000	-	2.300.000.000	-	-	-	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	953.807.100.911	(12.435.379.401)	941.371.721.510	212.868.951.380	196.180.211.644
+ Công ty TNHH Sơn Kansai - Alphanam	110.250.000.000	(11.275.874.634)	98.974.125.366	110.250.000.000	93.968.706.566
+ Công ty Cổ phần Sao Đỏ Đà Nẵng	12.000.000.000	-	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000
+ Công ty CP Đầu tư Minh Nguyễn ^(c)	-	-	-	90.618.951.380	90.211.505.078
+ Công ty CP Đầu tư Xây dựng Hà Tây ^(d)	48.160.338.516	-	48.160.338.516	-	-
+ Công ty Cổ phần WWB Alphanam ^(e)	120.000.000	-	120.000.000	-	-
+ Công ty CP Địa ốc Alphanam ^(h)	753.297.095.995	(1.159.504.767)	752.137.591.228	-	-
+ Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tự động hóa và truyền thông Vinacon ⁽ⁱ⁾	29.979.666.400	-	29.979.666.400	-	-
- Đầu tư vào đơn vị khác	300.244.536	-	300.244.536	300.244.536	300.244.536
+ Công ty CP Xây dựng 565	244.536	-	244.536	244.536	244.536
+ Quỹ hỗ trợ phát triển Đại học Kinh tế	300.000.000	-	300.000.000	300.000.000	300.000.000
Cộng	2.014.320.882.375	(86.257.729.477)	1.928.063.152.898	2.441.305.634.347	2.341.060.800.559

(*) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định theo giá trị ghi sổ do không có cơ sở để xác định giá trị hợp lý.

(**) Lý do thay đổi các khoản đầu tư:

- (a) Trong năm, Công ty mua thêm 951.923 cổ phiếu của Tổng Công ty CP Dầu tu và XNK Foodinco với giá 9.519.23.000 đồng.
- (b) Trong năm, Công ty góp thêm 4.235.000.000 đồng vốn tại Công ty Cổ phần Bất động sản Hoa Anh Đào tương ứng 42.350 cổ phần (Mệnh giá 100.000 đồng/CP).
- (c) Trong năm, Công ty góp 396.720.000 đồng tiền vốn góp Công ty Cổ phần Địa ốc Foodinco.
- (d) Khoản vốn góp vào Công ty CP Đầu tư Công viên văn hóa Mường Hoa tăng do Công ty góp vốn theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 02.0310/QĐ-HĐQT ngày 10 tháng 3 năm 2017. Vốn cam kết góp của Công ty vào Công ty Cổ phần Đầu tư Công viên văn hóa Mường Hoa là 553.000.000.000 đồng, chiếm 70% vốn điều lệ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Công ty nắm giữ 230.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/CP, chiếm 100% vốn thực góp của Công ty Cổ phần Đầu tư Công viên văn hóa Mường Hoa.
- (e) Tặng, giảm khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyễn trong năm:
 - Tặng do mua thêm 1.640.324 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyễn với giá 34.728 đồng/CP.
 - Giảm do Công ty chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyễn với giá 34.731 đồng/CP.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (f) Trong năm, Công ty mua 1.521.846 cổ phiếu Công ty CP Đầu tư Xây dựng Hà Tây với giá 31.646 đồng/CP.
- (g) Khoản vốn góp vào Công ty CP WWB Alphanam tăng do Công ty góp vốn theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 02/2017/QĐ-HĐQT ngày 22 tháng 7 năm 2017. Vốn cam kết góp của Công ty vào Công ty Cổ phần WWB Alphanam là 92.000.000.000 đồng, chiếm 40% vốn điều lệ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty nắm giữ 12.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/CP, chiếm 100% vốn thực góp của Công ty Cổ phần WWB Alphanam. (Mệnh giá 10.000 đồng/CP).
- (h) Trong năm, Công ty chuyển nhượng 30.600.400 cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Địa Ốc Alphanam với giá trị chuyển nhượng 306.004.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty chỉ còn nắm giữ 46% vốn điều lệ.
- (i) Trong năm, Công ty mua 295.492 cổ phiếu Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tự động hóa và truyền thông Vinacon với giá chuyển nhượng 9.628 đồng/CP.

Thông tin chi tiết về các Công ty con, Công ty liên kết tại ngày 31/12/2017 như sau:

Tên Công ty con, Công ty liên kết	Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại Công ty được đầu tư	Giá trị vốn góp theo mệnh giá	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp	Hoạt động kinh doanh chính
1. Công ty con				
Công ty CP Alphanam E&C	120.000.000.000	72.001.000.000	60,00%	Kinh doanh vật liệu xây dựng, xây dựng công trình dân dụng, kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Liên doanh ALPEC (Trước là Công ty Liên doanh Fuji – Alpha)	139.000.000.000	124.680.000.000	89,70%	Sản xuất, lắp ráp, bảo trì và sửa chữa thang máy
Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư và XNK Foodinco	223.877.000.000	183.974.870.000	82,80%	Đầu tư kinh doanh bất động sản và kinh doanh lúa mỳ
Công ty Cổ phần Đô Thị Hanel – Alphanam	443.000.000	443.000.000	100,00%	Đầu tư xây dựng và kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Bất động sản Hoa Anh Đào	210.000.000.000	114.035.000.000	54,90%	Đầu tư xây dựng và kinh doanh bất động sản
Công ty CP Alpha Nam Sài Gòn	39.000.000.000	38.990.000.000	99,97%	Thương mại
Công ty Cổ phần Địa ốc Foodinco	500.000.000.000	396.720.000.000	79,34%	Dịch vụ và kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Đầu tư Công viên văn hoá Mường Hoa	2.300.000.000	2.300.000.000	100%	Đầu tư xây dựng
2. Công ty liên kết				
Công ty TNHH Sơn Kansai – Alphanam	315.000.000.000	110.250.000.000	35,00%	Sản xuất sơn
Công ty Cổ phần Sao Đỏ Đà Nẵng	40.000.000.000	12.000.000.000	30,00%	Thương mại
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Hà Tây	60.000.000.000	15.218.460.000	25,30%	Dịch vụ và kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần WWB Alphanam	120.000.000	120.000.000	100%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
Công ty CP Địa ốc Alphanam	600.000.000.000	278.033.380.000	46,34%	Đầu tư xây dựng và kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Xây dựng Tự động hóa và truyền thông Vinacon	100.000.000.000	31.138.000.000	31,14%	Dịch vụ và kinh doanh bất động sản

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM
 Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Phải thu của khách hàng	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>				
- Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á	582.807.587.210	(8.215.770.950)	15.810.816.403	(8.828.990.099)
- Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam	565.291.653.489	-	-	-
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	8.631.593.535	-	15.810.816.403	(8.828.990.099)
	8.884.340.186	(8.215.770.950)		
<i>b. Phải thu của khách hàng dài hạn</i>				
Cộng	582.807.587.210	(8.215.770.950)	15.810.816.403	(8.828.990.099)
<i>c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</i>				
Phải thu của khách hàng ngắn hạn				
+ Công ty Cổ phần Liên doanh ALPEC (Tên cũ là Công ty Liên doanh Fuji - Alpha)	9.007.290.013	-	5.581.246.193	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyễn	50.513.100	-	79.041.600	-
+ Công ty TNHH Sơn Kamsai - Alphanam	292.558.625	-	5.447.839.496	-
+ Công ty CP Địa ốc Alphanam	8.785.553	-	15.299.420	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tự động hóa và truyền thông Vinacon	8.631.593.535	-	-	-
	23.839.200	-	39.065.677	-
Phải thu của khách hàng dài hạn				
Cộng	9.007.290.013	-	5.581.246.193	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.222.563.316	7.677.419.288
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Hà Tây	1.542.500.000	-
- Công ty CP Hùng Tiến Kim Sơn	1.344.329.800	1.344.329.800
- Công ty TNHH thiết bị bảo vệ và phát triển công nghệ cao Khải Hoàn	771.878.000	771.878.000
- Công ty TNHH Dân và Đan	658.468.078	-
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	905.387.438	5.561.211.488
b. Trả trước cho người bán dài hạn	-	2.478.752.827
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tự động hóa và truyền thông Vinacon	-	2.478.752.827
Cộng	5.222.563.316	10.156.172.115

c. Trả trước cho người bán là các bên liên quan

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.542.833.600	-
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Hà Tây	1.542.500.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyên	333.600	-
Trả trước cho người bán dài hạn	-	2.478.752.827
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tự động hóa và truyền thông Vinacon	-	2.478.752.827
Cộng	1.542.833.600	2.478.752.827

05. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty Cổ phần Động Lực	393.750.000	843.750.000
Cộng	393.750.000	843.750.000

06. Phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	49.240.062.965	-	3.285.365.895	-
- Tạm ứng	5.000.000	-	57.324.438	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-	600.000.000	-
- Phải thu khác	49.235.062.965	-	2.628.041.457	-
+ Công ty CP Đầu tư Công viên văn hoá Mường Hoa (*)	47.732.360.400	-	-	-
+ Phải thu khác	1.502.702.565	-	2.628.041.457	-
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	49.240.062.965	-	3.285.365.895	-

(*) Là khoản chi hệ tiền đền bù giải phóng mặt bằng tại dự án Công viên Văn hoá Mường Hoa – Sa Pa – Lào Cai.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM
 Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

07. Hàng tồn kho	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
- Nguyên liệu, vật liệu	10.682.526.849	-	12.307.898.659	-	
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	8.150.877.521	-	346.040.958	-	
- Thành phẩm	-	-	15.464.842.641	(7.631.526.573)	
- Hàng hoá	42.150.737.189	-	25.744.584.455	-	
- Hàng gửi đi bán	-	-	37.336.822	-	
Cộng	60.984.141.559	-	53.900.703.535	(7.631.526.573)	

08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
Khoản mục					
I. Nguyên giá					
<i>Số dư đầu năm</i>	2.683.375.226	1.343.288.477	4.545.320.070	375.566.227	8.947.550.000
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	2.683.375.226	1.343.288.477	4.545.320.070	375.566.227	8.947.550.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
<i>Số dư đầu năm</i>	2.683.375.226	1.335.438.395	4.545.320.070	375.566.227	8.939.699.918
- Khấu hao trong năm	-	7.850.082	-	-	7.850.082
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	2.683.375.226	1.343.288.477	4.545.320.070	375.566.227	8.947.550.000
III. Giá trị còn lại					
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	-	7.850.082	-	-	7.850.082
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	-	-	-	-	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 8.947.550.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

09. Chi phí trả trước	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm
	Số cuối năm	Số đầu năm	Tăng	Giảm	
<i>a. Chi phí trả trước ngắn hạn</i>	20.960.150	106.609.340			
- Công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	-	2.925.000			
- Các khoản khác	20.960.150	103.684.340			
<i>b. Chi phí trả trước dài hạn</i>	995.989.161	639.532.530			
- Chi phí sửa chữa	711.461.934	385.954.548			
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	220.527.227	253.577.982			
- Các khoản khác	64.000.000	-			
Cộng	1.016.949.311	746.141.870			
10. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	Số đầu năm		Số cuối năm		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị
a. Vay ngắn hạn	48.270.341.000	48.270.341.000	72.252.976.895	73.759.711.550	46.763.606.345
- <i>Vay ngân hàng</i>	47.969.571.000	47.969.571.000	71.002.976.895	72.509.711.550	46.462.836.345
+ Ngân hàng TMCP đầu tư phát triển Việt Nam	47.969.571.000	47.969.571.000	71.002.976.895	72.509.711.550	46.462.836.345
- CN Hai Bà Trưng (*)	300.770.000	300.770.000	1.250.000.000	1.250.000.000	300.770.000
- <i>Vay đối tượng khác</i>	40.000.000	40.000.000	-	-	40.000.000
+ Công ty CP Alphanam - Cienco 4	260.770.000	260.770.000	-	-	260.770.000
+ Bà Đỗ Thị Minh Anh	-	-	1.250.000.000	1.250.000.000	-
+ Công ty CP phát triển và đầu tư xây dựng hạ tầng Việt Nam	-	-	-	-	-
b. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	-	-	-	-	-
Cộng	48.270.341.000	48.270.341.000	72.252.976.895	73.759.711.550	46.763.606.345

(*) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty, lãi suất 9,7%/năm. Các khoản vay này được thế chấp bằng tài sản của bên thứ 3 gồm: Thế chấp sàn tầng 3 thuộc DA nhà ở Sakura 47 Vũ Trọng Phụng thuộc sở hữu của Alphanam E&C và quyền sử dụng đất tại số 4 Tô Hiến Thành - Hai Bà Trưng thuộc sở hữu của ông Nguyễn Tuấn Hải và bà Đỗ Thị Minh Anh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn	118.780.414.758	118.780.414.758	64.188.816.220	64.188.816.220
- Công ty CP Delta Việt Nam	73.358.552.068	73.358.552.068	49.204.687.330	49.204.687.330
- Công ty CP Alphanam E&C	30.947.407.139	30.947.407.139	2.065.279.398	2.065.279.398
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	14.474.455.550	14.474.455.550	12.918.849.491	12.918.849.491
b. Phải trả người bán dài hạn	41.760.612.304	41.760.612.304	48.580.612.304	48.580.612.304
- Tổng Công ty CP Đầu tư và XNK Foodinco	29.020.000.000	29.020.000.000	35.840.000.000	35.840.000.000
- Công ty CP Foodinco miền Trung	12.740.612.304	12.740.612.304	12.740.612.304	12.740.612.304
Cộng	160.541.027.062	160.541.027.062	112.769.428.524	112.769.428.524

c. Phải trả người bán là các bên liên quan

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán ngắn hạn	37.766.260.458	37.766.260.458	10.363.107.651	10.363.107.651
- Công ty Cổ phần Liên doanh ALPEC (Trước là Công ty Liên doanh Fuji - Alpha)	699.666.827	699.666.827	1.292.133.957	1.292.133.957
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Liên doanh ALPEC tại Hồ Chí Minh (Trước là Chi nhánh Công ty liên doanh Fuji - Alpha tại Hồ Chí Minh)	492.467.130	492.467.130	492.467.130	492.467.130
- Công ty CP Alphanam E&C	30.947.407.139	30.947.407.139	2.065.279.398	2.065.279.398
- Công ty CP Viễn Thông Thăng Long	5.626.719.362	5.626.719.362	5.626.719.362	5.626.719.362
- Công ty CP Alphanam	-	-	445.390.000	445.390.000
- Công ty CP Địa Ốc Alphanam	-	-	441.117.804	441.117.804
Phải trả cho người bán dài hạn	41.760.612.304	41.760.612.304	48.580.612.304	48.580.612.304
- Tổng Công ty CP Đầu tư và XNK Foodinco	29.020.000.000	29.020.000.000	35.840.000.000	35.840.000.000
- Công ty CP Foodinco miền Trung	12.740.612.304	12.740.612.304	12.740.612.304	12.740.612.304
Cộng	79.526.872.762	79.526.872.762	58.943.719.955	58.943.719.955

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

12. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
- Công ty CP Kỹ thuật Sigma	200.987.472.321	200.987.472.321	70.533.484.134	70.533.484.134
- Công ty CP Alphanam E&C	135.000.000.000	135.000.000.000	-	-
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	61.050.503.895	61.050.503.895	15.251.367.628	15.251.367.628
	4.936.968.426	4.936.968.426	55.282.116.506	55.282.116.506
b. Người mua trả tiền trước dài hạn				
- Công ty Cổ phần Địa Ốc Momota	-	-	59.905.000.000	59.905.000.000
Cộng	200.987.472.321	200.987.472.321	130.438.484.134	130.438.484.134

c. Người mua tiền trước là bên liên quan

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
- Công ty CP Địa Ốc Alphanam	63.355.839.649	63.355.839.649	47.729.005.991	47.729.005.991
- Công ty CP Alphanam E&C	-	-	32.419.102.617	32.419.102.617
- Công ty CP Foodinco Miền Trung	61.050.503.895	61.050.503.895	15.251.367.628	15.251.367.628
- Công ty CP Viễn Thông Thăng Long	1.955.335.746	1.955.335.746	58.535.746	58.535.746
	350.000.008	350.000.008	-	-
Cộng	63.355.839.649	63.355.839.649	47.729.005.991	47.729.005.991

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM
 Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế GTGT đầu ra	94.752.237	53.293.251.293	3.786.182.695	49.601.820.835
- Thuế thu nhập cá nhân	72.935.932	307.295.370	323.285.688	56.945.614
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	658.131.325	658.131.325	-
Cộng	167.688.169	54.258.677.988	4.767.599.708	49.658.766.449

14. Chi phí phải trả	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>a. Ngắn hạn</i>	75.114.919	69.370.669
- Chi phí lãi vay	75.114.919	64.625.670
- Các khoản trích trước khác	-	4.744.999
<i>b. Dài hạn</i>	-	-
Cộng	75.114.919	69.370.669

15. Các khoản phải trả, phải nộp khác	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>a. Ngắn hạn</i>	45.187.044.194	8.230.216.732
- Kinh phí công đoàn	267.455.991	271.633.967
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	44.919.588.203	7.958.582.765
+ Công ty CP Foodinco Miền Trung	1.761.643.027	1.761.643.027
+ Ông Nguyễn Tuấn Hải	41.853.000.000	4.875.000.000
+ Các đối tượng khác	1.304.945.176	1.321.939.738
<i>b. Dài hạn</i>	430.120.503	508.169.003
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	430.120.503	508.169.003
Cộng	45.617.164.697	8.738.385.735

16. Doanh thu chưa thực hiện

a. Ngân hàng	
- Doanh thu nhận trước về cho thuê tài sản	
Số cuối năm	327.600.000
Số đầu năm	327.600.000
-	-
Cộng	
Số cuối năm	327.600.000
Số đầu năm	327.600.000
b. Đại hạn	
17. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	Số cuối năm
- Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	Số đầu năm
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	
Số cuối năm	20.855.855.521
Số đầu năm	22.613.856.953
-	-
Số cuối năm	20.855.855.521
Số đầu năm	22.613.856.953

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM
 Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

18. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	1.924.844.130.000	74.155.820.000	3.721.683.671	81.194.806.296	2.083.916.439.967
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	2.852.959.919	2.852.959.919
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	1.924.844.130.000	74.155.820.000	3.721.683.671	84.047.766.215	2.086.769.399.886
Số dư đầu năm nay					
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	8.311.657.000	8.311.657.000
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	1.924.844.130.000	74.155.820.000	3.721.683.671	92.359.423.215	2.095.081.056.886

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Số cuối năm		Số đầu năm	
Số tiền	Tỷ lệ %	Số tiền	Tỷ lệ %
1.924.844.130.000	100	1.924.844.130.000	100
1.924.844.130.000	100	1.924.844.130.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Năm nay		Năm trước	
-	-	-	-
+ Vốn góp đầu năm	1.924.844.130.000	+ Vốn góp đầu năm	1.924.844.130.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	+ Vốn góp tăng trong năm	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	+ Vốn góp giảm trong năm	-
+ Vốn góp cuối năm	1.924.844.130.000	+ Vốn góp cuối năm	1.924.844.130.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-	-

d. Cổ phiếu

Số cuối năm		Số đầu năm	
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	192.484.413	- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	192.484.413
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	192.484.413	- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	192.484.413
+ Cổ phiếu phổ thông	192.484.413	+ Cổ phiếu phổ thông	192.484.413
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	+ Cổ phiếu ưu đãi	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	+ Cổ phiếu phổ thông	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	+ Cổ phiếu ưu đãi	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	192.484.413	- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	192.484.413
+ Cổ phiếu phổ thông	192.484.413	+ Cổ phiếu phổ thông	192.484.413
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	+ Cổ phiếu ưu đãi	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỨC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Năm nay		Năm trước	
- Doanh thu bán hàng hoá	213.926.904.444	- Doanh thu bán hàng hoá	218.060.492.441
- Doanh thu bán thành phẩm	10.366.165.446	- Doanh thu bán thành phẩm	329.684.422
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.300.800.000	- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.203.350.000
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	737.961.346.841	- Doanh thu hợp đồng xây dựng	4.025.466.798
Cộng	963.555.216.731	Cộng	223.618.993.661

Đơn vị tính: VND	
02. Các khoản giảm trừ doanh thu	
- Chiết khấu thương mại	-
- Hàng bán bị trả lại	53.255.277
Cộng	53.255.277
Năm nay	772.608.024
Năm trước	772.608.024
03. Giá vốn hàng bán	
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	177.051.728.803
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	16.297.505.432
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	698.075.987
- Giá vốn của hợp đồng xây dựng	248.236.047.420
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(7.631.526.573)
Cộng	434.651.831.069
Năm nay	210.542.636.773
Năm trước	210.542.636.773
04. Doanh thu hoạt động tài chính	
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	64.761.022
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.769.000.000
Cộng	6.833.761.022
Năm nay	11.264.286.547
Năm trước	11.070.000.000
05. Chi phí tài chính	
- Lãi tiền vay	4.597.126.876
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	523.076.035.508
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tồn thất đầu tư	(13.987.104.311)
Cộng	513.686.058.073
Năm nay	14.994.179.698
Năm trước	14.994.179.698
06. Thu nhập khác	
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-
- Các khoản thu nhập khác	218.976.660
Cộng	218.976.660
Năm nay	359.248.624
Năm trước	359.248.624
07. Chi phí khác	
- Chi phí thu gom, vận chuyển xử lý sơn thải	483.300.000
- Chi phí ứng hộ	500.000.000
- Các khoản bị phạt	-
- Các khoản khác	58.969.503
Cộng	1.042.269.503
Năm nay	165.372.549
Năm trước	165.372.549

08. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Năm nay	Năm trước
8.277.718.450	5.134.286.434
<i>a. Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh</i>	
- Chi phí nhân viên quản lý	3.343.132.415
- Chi phí vật liệu quản lý	-
- Chi phí đồ dùng văn phòng	55.960.712
- Chi phí khấu hao TSCĐ	477.541.252
- Thuế, phí và lệ phí	113.914.292
- Chi phí dự phòng	(964.503.722)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.605.343.055
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	502.898.430
<i>b. Chi phí bán hàng phát sinh</i>	
- Chi phí nhân viên	2.538.486.867
- Chi phí vật liệu, bao bì	1.423.616.347
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	17.708.522
- Chi phí khấu hao TSCĐ	15.991.531
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	829.725.323
- Chi phí khác bằng tiền	251.445.144
Cộng	7.672.773.301

09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Năm nay	Năm trước
(1.758.001.432)	(1.758.001.432)
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc	
hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	
Tông chi phí thuế TNDN hoãn lại	

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yêu tố

Năm nay	Năm trước
829.071.370	313.951.858
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.806.684.261
- Chi phí nhân công	642.764.538
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	240.483.429.263
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.043.004.643
- Chi phí khác bằng tiền	2.772.209.598
- Chi phí dự phòng	(8.244.745.722)
Cộng	264.738.148.474

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2017 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

02. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Năm trước	Năm nay
-----------	---------

Ông Nguyễn Tuấn Hải – Chủ tịch HĐQT	Vay tiền không tính lãi	139.512.500.000	4.875.000.000
Chỉ trả tiền vay	102.534.500.000	-	-
Ông Nguyễn Minh Nhật – Ủy viên HĐQT	Chuyển nhượng 1.463.000 cổ phiếu của Công ty CP Alphanam Food	-	14.630.000.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

Số cuối năm	Số đầu năm		
Ông Nguyễn Tuấn Hải – Chủ tịch HĐQT	Phải trả khác	41.853.000.000	4.875.000.000
Bà Đỗ Thị Minh Anh - Phó Tổng Giám Đốc	Vay ngắn hạn	260.770.000	260.770.000
Phải trả khác	42.114.770.000	5.136.370.000	600.000

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Năm nay	Năm trước	
Tiền lương, phụ cấp và thưởng	942.402.159	631.586.886
Công	942.402.159	631.586.886

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty con và các công ty liên kết. Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan		Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Alphanam E&C	Công ty con	Công ty con
Công ty Cổ phần Liên doanh ALPEC (Tên cũ là Công ty Liên doanh Fujii – Alpha)	Công ty con	Công ty con
Tông Công ty Cổ phần Đầu tư và XNK Foodinco	Công ty con	Công ty con
Công ty Cổ phần Đò thị Hanel – Alphanam	Công ty con	Công ty con
Công ty Cổ phần Bất động sản Hoa Anh Đào	Công ty con	Công ty con
Công ty Cổ phần Alphanam Sài Gòn	Công ty con	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Công viên văn hóa Mùng Hoa	Công ty con	Công ty con
Công ty Cổ phần Địa ốc Foodinco	Công ty con	Công ty con
Công ty Cổ phần Foodinco Tây Nguyên	Công ty con	Công ty con
Công ty Cổ phần Foodinco Miền Trung	Công ty con	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tự động hóa và truyền thông Vinacon	Công ty con	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyễn	Công ty con	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyễn	Công ty con	Công ty con
Công ty TNHH Sơn Kansai – Alphanam	Công ty con	Công ty con

08. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Năm nay	Năm trước
8.277.718.450	5.134.286.434
5.642.101.233	3.343.132.415
-	-
- Chi phí nhân viên quản lý	- Chi phí vật liệu quản lý
- Chi phí nhân viên quản lý	- Chi phí đồ dùng văn phòng
- Chi phí khấu hao TSCĐ	- Chi phí khấu hao TSCĐ
- Thuế, phí và lệ phí	- Thuế, phí và lệ phí
- Chi phí dự phòng	- Chi phí dự phòng
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác
b. Chi phí bán hàng phát sinh	b. Chi phí bán hàng phát sinh
6.343.166.473	2.538.486.867
1.549.567.688	502.898.430
1.594.651.591	1.605.343.055
(613.219.149)	(964.503.722)
7.864.091	113.914.292
7.850.082	477.541.252
88.902.914	55.960.712
-	-
- Chi phí vật liệu quản lý	- Chi phí vật liệu quản lý
- Chi phí đồ dùng văn phòng	- Chi phí đồ dùng văn phòng
- Chi phí khấu hao TSCĐ	- Chi phí khấu hao TSCĐ
- Thuế, phí và lệ phí	- Thuế, phí và lệ phí
- Chi phí dự phòng	- Chi phí dự phòng
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí nhân viên	- Chi phí nhân viên
- Chi phí vật liệu, bao bì	- Chi phí vật liệu, bao bì
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	- Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- Chi phí khấu hao TSCĐ	- Chi phí khấu hao TSCĐ
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí khác bằng tiền	- Chi phí khác bằng tiền
14.620.884.923	7.672.773.301

09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Năm nay	Năm trước
(1.758.001.432)	(1.758.001.432)
(1.758.001.432)	(1.758.001.432)
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phải trả
Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yêu tố

Năm nay	Năm trước
829.071.370	313.951.858
28.890.333.883	4.806.684.261
7.850.082	642.764.538
240.483.429.263	6.258.276.458
2.772.209.598	1.043.004.643
(8.244.745.722)	(1.500.192.059)
264.738.148.474	11.564.489.699

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2017 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

Bên liên quan		Mối quan hệ	
		Năm nay	Năm trước
<p>Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan như sau:</p>			
Công ty Cổ phần Xây dựng Hà Tây	Công ty liên kết	171.987.578.216	70.200.416.003
Công ty Cổ phần Sao Đỏ Đà Nẵng	Công ty liên kết	736.384.709	106.276.269.924
Công ty Cổ phần WB Alphanam	Công ty liên kết	772.608.024	-
Công ty Cổ phần Sao Đỏ Đà Nẵng	Công ty liên kết	48.141.324.000	-
Công ty Cổ phần WB Alphanam	Công ty liên kết	48.160.338.516	-
Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam	Công ty liên kết	500.000.000	-
Công ty CP Đầu tư Phát triển và Xây dựng hạ tầng Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp	-	48.160.338.516
Công ty CP Viễn Thông Thăng Long	Đầu tư khác	-	500.000.000
Công ty Cổ phần Mộc và Xây dựng Hà Nội	Công ty trong cùng tập đoàn	-	-
Công ty Cổ phần Alphanam E&C			
- Bán hàng và cung cấp dịch vụ		105.823.176.345	8.433.000
- Mua hàng hoá, dịch vụ		4.025.466.798	39.284.000
- Chiết khấu bán hàng		105.823.176.345	39.284.000
- Mua 1.521.846 cổ phiếu của Công ty CP Đầu tư		48.160.338.516	48.160.338.516
- Mua 1.386.000 cổ phiếu của Công ty CP Đầu tư		48.160.338.516	48.160.338.516
- Minh Nguyễn giá 34.734 VND/CP		-	-
- Bán 1.521.846 cổ phiếu của Công ty CP Đầu tư		-	-
- Xây dựng Hà Tây với giá 31.646 VND/CP		-	-
- Thanh lý xe ô tô		-	-
- Mua 1.521.846 cổ phiếu của Công ty CP Đầu tư		48.160.338.516	48.160.338.516
Công ty Cổ phần Liên doanh ALPEC (Tên cũ là Công ty Liên doanh Fuji - Alpha)			
- Bán hàng hoá		57.342.000	71.856.000
- Cô tức được chia		6.769.000.000	11.070.000.000
- Mua 3.899.000 cổ phiếu của Công ty CP Alpha		-	38.990.000.000
- Narm Sài Gòn với giá 10.000 VND/CP		-	-
Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam			
- Bán hàng hoá		8.433.000	8.433.000
- Doanh thu hợp đồng xây dựng		105.823.176.345	105.823.176.345
- Mua 1.521.846 cổ phiếu của Công ty CP Đầu tư		48.160.338.516	48.160.338.516
- Xây dựng Hà Tây với giá 31.646 VND/CP		-	-
- Mua 120.000 Cổ phiếu của Công ty Cổ phần		-	-
- Sao Đỏ Đà Nẵng với giá 100.000 VND/CP		-	-
- Mua 375.194 Cổ phiếu của Công ty Cổ phần		-	-
- Hưng Tiến Kim Sơn với giá 19.768 VND/CP		-	-
- Mua 262.713 cổ phiếu của Công ty Cổ phần		-	-
- Đầu tư Minh Nguyễn với giá 34.728 VND/CP		-	-
- Đầu tư Minh Nguyễn với giá 34.728 VND/CP		-	-
- Mua 1.640.324 cổ phiếu của Công ty Cổ phần		56.965.171.872	56.965.171.872
- Đầu tư Minh Nguyễn với giá 34.728 VND/CP		1.604.064.000	1.604.064.000
- Mua hàng và sử dụng dịch vụ		1.604.064.000	1.604.064.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Hoa Anh Đào			
- Bán hàng hoá		5.775.683	5.775.683
- Góp vốn		4.235.000.000	4.235.000.000
Công ty Cổ phần Alphanam Sài Gòn			
- Chi hộ		4.985.000	4.985.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Công viên văn hóa			

Đơn vị tính: VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm trước	Năm nay	
-	47.732.360.000	Mường Hoa
-	-	- Chi hộ tiền đền bù, giải phóng mặt bằng
-	2.300.000.000	- Góp vốn
-	-	Công ty Cổ phần Địa ốc Foodinco
-	2.370.000	- Bán hàng hoá
-	2.000.000	Công ty Cổ phần Foodinco Miền Trung
-	-	- Bán hàng hoá
-	-	Công ty Cổ phần Dầu tư Minh Nguyễn
5.228.460.438	772.910.639	- Bán hàng hoá
655.968.000	626.900.000	Công ty TNHH Sơn Kansai - Alphanam
45.973.563	8.821.696	- Bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ
-	-	- Mua hàng hoá và sử dụng dịch vụ
-	1.194.000	Công ty CP Dầu tư Xây dựng Hà Tây
-	-	- Bán hàng hoá
-	4.777.272	Công ty Cổ phần WVB Alphanam
-	-	- Bán hàng hoá
-	60.354.000	- Chi hộ
-	60.354.000	- Thu tiền chi hộ
-	120.000.000	- Góp vốn
-	-	Công ty CP Dầu tư Phát triển và Xây dựng hạ
-	-	kàng Việt Nam
-	1.250.000.000	- Vay tiền
-	1.250.000.000	- Trả tiền vay
-	51.027.777	- Lãi vay
-	5.468.454.135	Công ty Cổ phần Viễn Thông Long
-	-	- Bán hàng hoá
36.671.545.020	31.123.675.000	- Mua hàng
38.589.000	46.376.000	Công ty Cổ phần Dầu tư Xây dựng - Tự động
-	-	hóa và truyền thông Vinacon
-	-	- Bán hàng hóa
404.900.000	-	Công ty Cổ phần Alphanam
-	-	- Sử dụng dịch vụ

Tại ngày kết thúc năm tài chính, ngoài các số dư đã thuyết minh tại mục V.03, V.04, V.11 và V.12, còn các công nợ khác với các bên liên quan khác như sau:

Đơn vị tính: VND

Số đầu năm	Số cuối năm
------------	-------------

Công ty Cổ phần Đầu tư Công viên văn hóa Mường Hoa	47.732.360.400	-
+ Phải thu khác		
Công ty Cổ phần Liên doanh ALPEC (Trước là Công ty Liên doanh Fuji - Alpha)	784.000.000	-
+ Phải thu khác		
Công ty Cổ phần Bất động sản Hoa Anh Đào	157.676.903	-
+ Phải thu khác		
Công ty Cổ phần Sao đỏ Đà Nẵng	-	-
+ Phải thu khác		
Công ty Cổ phần Alpha Nam Sài Gòn	460.837.882	455.852.882
+ Phải thu khác		
Công ty Cổ phần Địa ốc Foodinco	9.961.260	-
+ Phải thu khác		
Công nợ phải thu	49.144.836.445	455.852.882
Công ty Cổ phần Liên doanh ALPEC (Trước là Công ty Liên doanh Fuji - Alpha)	-	49.210.870
+ Phải trả khác		
Tông Công ty CP Đầu tư và XNK Foodinco	185.000.000	185.000.000
+ Phải trả khác		
Công ty CP Foodinco miền Trung	1.761.643.027	1.761.643.027
+ Phải trả khác		
Công nợ phải trả	1.946.643.027	1.995.853.897

03. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực dịch vụ: Cho thuê xe ô tô và cung cấp dịch vụ;
- Lĩnh vực thương mại: Bán hàng hóa các loại;
- Lĩnh vực sản xuất: Bán thành phẩm sơn;
- Lĩnh vực xây dựng: Hoạt động xây dựng;
- Lĩnh vực đầu tư tài chính.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM
 Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Thương mại	Dịch vụ	Sản xuất	Xây dựng	Đầu tư tài chính	Cộng
Năm nay						
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	213.839.608.782	1.300.800.000	10.366.165.446	737.995.387.226	6.769.000.000	970.270.961.454
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	181.125.433.588	723.934.314	8.872.045.659	263.083.668.285	509.088.931.197	962.894.013.043
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	32.714.175.194	576.865.686	1.494.119.787	474.911.718.941	(502.319.931.197)	7.376.948.411
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	197.114.661	1.199.061	9.555.401	680.274.862	-	888.143.985
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	119.585.132	727.444	5.797.052	412.707.808	-	538.817.436
Số cuối năm						
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	56.617.738.108	23.017.533	183.428.321	634.233.047.910	1.929.776.902.899	2.620.834.134.771
- Tài sản không phân bổ						1.091.628.873
Tổng tài sản	56.617.738.108	23.017.533	183.428.321	634.233.047.910	1.929.776.902.899	2.621.925.763.644
- Nợ phải trả bộ phận	121.566.838.072	577.603.997	1.992.299.198	381.136.591.509	20.855.855.521	526.129.188.297
- Nợ phải trả không phân bổ						715.518.460
Tổng nợ phải trả	121.566.838.072	577.603.997	1.992.299.198	381.136.591.509	20.855.855.521	526.844.706.757

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM
 Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Thương mại	Dịch vụ	Sản xuất	Xây dựng	Đầu tư tài chính	Cộng
Năm trước						
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	217.287.884.417	1.203.350.000	329.684.422	4.025.466.798	11.070.000.000	233.916.385.637
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	217.630.292.637	409.074.430	354.248.450	4.325.395.065	10.296.292.643	233.015.303.225
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	(342.408.220)	794.275.570	(24.564.028)	(299.928.267)	773.707.357	901.082.412
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	305.047.319	1.689.366	462.839	5.651.295	-	312.850.819
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	981.805.819	5.437.284	1.489.665	18.188.896	-	1.006.921.664
Số cuối năm						
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	59.524.312.596	118.911.950	654.581.299	7.992.477.383	2.342.380.800.559	2.410.671.083.787
- Tài sản không phân bổ						1.637.493.017
Tổng tài sản	59.524.312.596	118.911.950	654.581.299	7.992.477.383	2.342.380.800.559	2.412.308.576.804
- Nợ phải trả bộ phận	316.721.518.068	1.754.017.900	480.552.107	5.867.570.383	-	324.823.658.458
- Nợ phải trả không phân bổ						715.518.460
Tổng nợ phải trả	316.721.518.068	1.754.017.900	480.552.107	5.867.570.383	-	325.539.176.918

Khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của Công ty chi diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM
 Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
 Báo thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính	Giá trị số sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.091.628.873	1.637.493.017	1.091.628.873	1.637.493.017
Phải thu về cho vay	393.750.000	843.750.000	393.750.000	843.750.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	632.042.650.175	18.438.857.860	(8.828.990.099)	623.826.879.225
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.320.000.000	1.320.000.000	-	1.320.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	300.244.536	300.244.536	-	300.244.536
Cộng	635.148.273.584	(8.215.770.950)	22.540.345.413	(8.828.990.099)
				626.932.502.634
				13.711.355.314

Nợ phải trả tài chính	Giá trị số sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho người bán	160.541.027.062	112.769.428.524	160.541.027.062	112.769.428.524
Vay và nợ	46.763.606.345	48.270.341.000	46.763.606.345	48.270.341.000
Chi phí phải trả	75.114.919	69.370.669	75.114.919	69.370.669
Các khoản phải trả khác	44.919.588.203	7.958.582.765	44.919.588.203	7.958.582.765
Cộng	252.299.336.529	169.067.722.958	252.299.336.529	169.067.722.958

05. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giám sát rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đón đầu thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho Công ty Cổ phần Đông Lực vay tiền. Công ty đánh giá các khoản cho vay này trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến đơn vị có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

Đơn vị tính: VND

	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	118.780.414.758	41.760.612.304	160.541.027.062	
Vay và nợ	46.763.606.345	-	46.763.606.345	
Chi phí phải trả	75.114.919	-	75.114.919	
Các khoản phải trả khác	44.919.588.203	-	44.919.588.203	
Cộng	210.538.724.225	41.760.612.304	252.299.336.529	-
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	64.188.816.220	48.580.612.304	112.769.428.524	
Vay và nợ	48.270.341.000	-	48.270.341.000	
Chi phí phải trả	69.370.669	-	69.370.669	
Các khoản phải trả khác	7.958.582.765	-	7.958.582.765	
Cộng	120.487.110.654	48.580.612.304	169.067.722.958	-

07. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy cảm bày dưới đây được lập trên cơ sở giả định rằng các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngân hàng, cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

08. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

09. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu

Nguyễn Thị Văn Anh

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Văn Anh

Tổng Giám đốc



Hưng Yên, ngày 29 tháng 3 năm 2018

Bai Hoàng Tuấn

